

### **Phẩm 9: CHẤP PHÁ NGÃ THỨ CHÍN**

“Phẩm Pháp chấp ngã”. Tự thể của ngã thật ra là vô có nhưng chúng sinh đều chấp là có. Phẩm này nhằm phá sự chấp ngã cho nên có phẩm này. Luận này giải thích các pháp vô ngã là một trong ba pháp ấn nói trong kệ kinh của Phật. Tám phẩm trước nói về các pháp sự; phẩm cuối này nói về lý vô ngã. Sự thì thô hiển nên được nói trước; lý thì nhỏ nhiệm nên nói sau. Hoặc sự là sở y, nên được nói trước; lý là năng y cho nên nói sau.

#### **1. Nội dung chia làm hai:**

“Vượt qua y dư này chẳng lẽ vô Giải thoát”. Toàn phẩm chia làm hai:

- 1) Rộng Bác bỏ các chấp khác là.
- 2) Khuyến học lưu thông.

Phần phá chấp lại chia làm hai là phá chung và phá riêng. Dưới đây là phá chung có sáu:

- 1) Câu hỏi.
- 2) Lời đáp.
- 3) Gạn lại.
- 4) Giải thích.
- 5) Chỉ trích.
- 6) Bác bỏ.

Đây là hỏi: Bỏ qua Phật pháp này mà nương vào các pháp khác chẳng lẽ không được Giải thoát hay sao mà trên đây phải nói là “nên câu Giải thoát”? Đây là dựa theo trước để nêu câu hỏi, y theo giải thích ở trước chia làm “ba phần” trong phẩm Pháp Ngã này thì hai câu tụng đầu gọi là phần tựa.

“Lý hẩn là vô hữu” là đáp. Dùng lý để suy tìm thì chắc chắn không thật có, phải biết rằng trong phần lập phá của phẩm Pháp ngã, phần nhiều Luận chủ đều nói về tông chỉ của Kinh bộ. Nếu y theo một giải thích mà có “ba phần” ở trước y theo, phẩm pháp Ngã thì dưới đây là Chánh tông.

Vì sao là gạn lại.

#### **2. Giải thích ngữ chấp lường dối làm mê loạn:**

“Luống dối ngã chấp” cho đến “không có Giải thoát” là giải thích ngã chấp lường dối làm mê loạn. Tức ngoài Phật pháp này có Ngã chấp của Sư Thắng luận, v.v... Sự chấp ngã này không phải đối với năm uẩn nối tiếp đã giả lập làm ngã mà là chấp riêng ngoài uẩn còn thật có ngã.

Do có thể lực của sự chấp ngã này làm căn bản nên các phiền não mới sinh khởi. Do phiền não sinh mà chiêu cảm quả dị thực luân hồi không dứt trong ba cõi. Vì thế nếu nương vào ngoại pháp thì không có Giải thoát.

### **3. Chỉ trích:**

“Lấy gì làm chứng” cho đến “chẳng gọi riêng ngã thể” là lời chỉ trích: Dựa vào chứng cứ nào để biết rằng tên gọi của các ngã có công năng giải thích này chỉ để cho năm uẩn nối tiếp mà chẳng phải chỉ cho ngã thể nằm ngoài uẩn.

### **4. Bác bỏ:**

Đối với sở chấp kia, cho đến “vô chân ngã thể” là lời bác bỏ: Không thể có hiện lượng và tỷ lượng chân thật đối với cái gọi là ngã nằm ngoài uẩn mà ngoại đạo chấp trước. Không có hiện lượng tỷ lượng chân thật. Trong ba lượng sở dĩ không dựa vào Thánh ngôn lượng để làm giáo chứng vì hai đạo nội và ngoại đều cho rằng Thánh giáo là do Đạo sư của mình nói ra. Nếu lấy Thánh giáo làm chứng cứ thì cả hai không thừa nhận nhau, vì thế trong ba lượng chỉ dựa vào hiện lượng và tỷ lượng để bác bỏ. Nếu ngoài năm uẩn, ngã thể có thật thể riêng giống như các pháp hữu thể khác và nếu không bị các nhân duyên chướng ngại thì lẽ ra hiện lượng được mười hai xứ trung, như sáu cảnh và ý. Tức năm cảnh như sắc, v.v... được năm thức như nhãn thức, v.v... hiện lượng chứng đắc; đối với pháp cảnh thì các pháp tâm tâm sở và ý xứ được trí tha tâm hiện lượng chứng đắc mà ngoài năm uẩn ra có thật thể riêng giống như các pháp hữu thể khác. Nếu không có các nhân duyên chướng ngại thì lẽ ra phải tỷ lượng được, như năm sắc căn. Nói tỷ lượng được năm sắc căn, như thế gian hiện thấy. Tuy có các duyên nước, đất, nhân công nhưng vì thiếu loại duyên riêng là hạt giống cho nên không thể có mầm và trái; nếu không thiếu hạt giống thì có mầm trái. Như hạt giống nảy mầm; thấy mầm thì có thể suy ra biết được có hạt giống. Ở đây nêu ra tỷ dụ bên ngoài để chỉ cho như thế cũng thấy. Tuy có các hiện cảnh như sắc, v.v... và các duyên như tác ý, v.v... Ở đây chữ Đẳng chỉ cho minh và không. Nếu là nhãn thức thì do bốn duyên là sắc, tác ý, minh và không. Nếu là nhĩ thức thì do ba duyên là thanh, tác ý, và không. Nếu là ba thức, tỷ, thiệt hoặc thân thì do hai duyên tác ý và hương, vị hoặc xúc. Trong trường hợp đui, điếc, v.v... thì thức không khởi, vì thiếu loại duyên riêng như nhãn căn, v.v... Từ đó biết chắc rằng khi thiếu duyên riêng thì thức không thể khởi và khi không thiếu duyên riêng thì thức liền khởi. Loại duyên đặc biệt này là các căn nhãn căn,

v.v... Tác ý, v.v... là duyên chung; nhân căn, v.v... là duyên riêng; năm thức là quả. Ví có công năng phát thức nên so sánh mà biết được có căn. Như thế gọi là tỷ lượng sắc căn, đối với loại ngã lia uẩn này đều không thể hiện lượng hoặc tỷ lượng, chẳng như sáu cảnh, ý và căn có thể do hiện lượng đắc, chẳng như năm căn như nhân căn, v.v... có thể do tỷ lượng đắc. Điều này chứng minh không có ngã thể thật sự. Ở đây dựa vào hiện lượng và tỷ lượng để phá chung các ngã. Văn luận vốn không nêu riêng, nên biết là phá chung.

### **5. Bác bỏ riêng:**

“Nhưng Độc tử bộ chấp” cho đến “chẳng phải một chẳng phải khác: Dưới đây là thứ hai bác bỏ riêng:

- 1) Bác bỏ Độc tử bộ.
- 2) Bác bỏ các Luận sư Số luận.
- 3) Bác bỏ các luận sư Thắng luận.

Dưới đây là thứ nhất: Bác bỏ thuyết của Độc tử bộ có ba: Nêu tông chỉ, chánh thức bác bỏ, và giải thích câu hỏi. Đây là thứ nhất nêu tông chỉ. Nói “Độc tử bộ” là chỉ cho một trong mười tám bộ phái. Khi Phật còn tại thế có ngoại đạo Độc tử chấp có thật ngã. Vì kiến chấp này giống như kiến chấp của ngoại đạo nên dùng Độc tử bộ để nêu danh. Độc tử Như lai lẽ ra không nên chấp ngã, cho nên nếu có chấp ngã thì phải bác bỏ trước. Độc tử bộ chấp có Bồ-đặc-già-la, Hán dịch là sắc thủ thú, là tên khác của ngã. Sắc thủ thú này có thật thể, nếu so với năm uẩn thì chẳng phải một nhưng cũng chẳng phải khác. Bộ phái này cho rằng ngã thể chẳng đoạn chẳng thường. Nếu ngã này và uẩn là một thì khi uẩn diệt, ngã cũng diệt theo và như vậy lẽ ra ngã, v.v... phải bị đoạn cho nên không thể nói là một; nếu ngã này khác với uẩn thì khi uẩn diệt ngã sẽ không diệt, như vậy lẽ ra ngã phải thuộc về thường cho nên chẳng thể nói là khác.

Điều này nên suy nghĩ là thật hay giả: Dưới đây là thứ hai chính là bác bỏ, gồm có: (1) Dùng lý để bác bỏ. (2) Dùng giáo để bác bỏ. Phần dùng lý để bác bỏ y theo năm việc: Y theo giả và thật, y theo sở y, y theo năm pháp tạng, y theo chỗ gửi gắm, và căn cứ sở thức. Dưới đây là việc thứ nhất: Y theo giả và thực để bác bỏ. Luận chủ khuyên rằng cần nên suy nghĩ về điều này. Ngã mà các ông chấp là thật hay giả.

### **6. Hỏi đáp chung:**

“Thật có giả có tướng khác nhau thế nào” là Độc tử bộ hỏi: Thật và giả có các tánh chất khác nhau thế nào mà khuyên chúng tôi suy nghĩ?

“Có sự vật riêng” cho đến “như nhũ lạc v.v...” là Luận chủ trả lời: Như sắc, thanh, v.v... thì có tánh chất thật có nhưng sữa, lạc, v.v... thì chỉ có tánh chất giả hữu vì do nhiều thứ làm thành.

Chấp nhận thật, chấp nhận giả đều có lỗi gì là Độc tử bộ hỏi: Nếu thừa nhận ngã là thật hoặc giả thì có lỗi gì?

### **7. Luận chủ nêu lỗi:**

“Nếu Thể là thật” cho đến “thì đồng với tôi nói: Luận chủ nêu lỗi. Ngã thể nếu là thật thì bác rằng ngã mà các ông chấp lẽ ra nên khác với uẩn vì có tánh riêng, như sắc khác với thọ, v.v... Nếu khác với uẩn thì trái với thuyết của các ông là ngã và uẩn chẳng khác nhau. Lại, ngã được chấp này phải có nhân vì có thật thể, như sắc, v.v... Nếu từ nhân sinh thì là vô thường trong khi các ông lại cho rằng ngã chẳng phải vô thường. Nếu là vô thường thì thuộc về ba đời trong khi các ông lại cho rằng chắc chắn ngã không thuộc về pháp tạng ba đời. Nếu nói không từ nhân sinh thì ngã mà các ông chấp lẽ ra phải là vô vi, vì không do nhân sinh cũng như hư không. Nếu là vô vi thì đồng với kiến chấp của ngoại đạo, lại trái với tự tông của các ông vốn cho rằng trong năm pháp tạng thì ngã chẳng phải vô vi, lại nói thể của ngã chẳng phải thường. Lại, nếu là vô vi thì lẽ ra không thể có tác dụng, và nếu đã không có tác dụng thì chấp ngã thật có để làm gì. Nếu thể của Ngã là giả giống như sữa, lạc, v.v... thì giống với tông chỉ của chúng tôi mà lại trái với tông chỉ của các ông.

### **8. Y theo lời hỏi để bác bỏ:**

“Chẳng do ta lập” cho đến “lập Bồ-đặc-già-la” dưới đây là thứ hai y theo lời gạn lại về sở y để bác bỏ. Trước nói lại tông chỉ của Độc tử bộ: Chẳng phải Bồ-đặc-già-la mà chúng tôi lập ra là cái mà các ông có thể gạn lại là thật có hay giả có. Nhưng mà y nội” là để phân biệt với núi, v.v... thuộc ngoại pháp; nói “hiện tại” là để phân biệt với quá khứ và vị lai; nói “hữu chấp thọ” là để phân biệt với vô chấp thọ các vật bất tịnh, v.v... thuộc nội thân. Nướng vào các uẩn này để lập thành Bồ-đặc-già-la.

### **9. Luận chủ bác bỏ:**

Lời nói sai lầm như thế cho đến “cũng đồng với lỗi này: Là Luận chủ bác bỏ; lời nói sai lạc như thế chưa nói lên được nghĩa tôi chưa hiểu y là gì. Nếu chấp lấy các uẩn chính là nghĩa y của ngã này, đã chấp các uẩn làm thành Bồ-đặc-già-la thì Bồ-đặc-già-la lẽ ra phải thành giả có như sữa, lạc, v.v... lấy sắc, v.v... làm thành thể tức là giả. Nếu nói không lấy các uẩn mà chỉ do có các uẩn chính là ý nghĩa nương tựa của ngã

này thì vốn nhân có các uẩn mới lập thành Bồ-đặc-già-la; nay uẩn từ do sinh khởi, ngã lại do uẩn mà có Bồ-đặc-già-la, cũng đồng với các uẩn, tức từ nhân mà sinh. Nếu ngã do nhân sinh thì loại ngã này không thành vì các ông vốn chấp ngã này chẳng phải từ nhân sinh. Lại giải thích: Nếu vì các uẩn nhóm họp mà thành Bồ-đặc-già-la thì Bồ-đặc-già-la cũng đồng với các uẩn, thế là giả có vì các nhà theo Kinh bộ thừa nhận uẩn là giả. Nếu ngã là giả thì ngã này không thành vì các ông chấp rằng ngã thế thật có.

“Không lập như thế” là Độc tử bộ nói: Không lập như thế.

“Sở lập thế nào” là Luận chủ gạn lại.

“Việc này như thế gian nương củi mà lập lửa”: Là Độc tử bộ đáp.

Vì sao lập lửa có thể nói là nương củi: Là hỏi kế của Luận chủ.

Vì chẳng phải lìa củi cho đến “thể lẽ ra thành đoạn” là Độc tử bộ đáp: Nghĩa là không thể lìa củi mà có thể lập lửa. Củi là lửa, chẳng phải một, cũng chẳng phải khác. Bộ phái này tự đặt ra câu hỏi: Nếu lửa khác với củi thì lẽ ra củi không thể cháy; nếu củi có cháy thì chẳng được nói là khác nhau. Nếu lửa với củi là một thì lẽ ra sở thiêu cũng chính là năng thiêu. Năng sở vốn đã khác nhau thì không thể nói là một. Sau đó là phân so sánh thí dụ này với pháp: Như vậy không lìa uẩn mà lập Bồ-đặc-già-la nhưng Bồ-đặc-già-la uẩn chẳng phải khác, cũng chẳng phải một. Nếu khác với uẩn thì lẽ ra ngã thế phải thường nên, chẳng thể nói là khác; nếu là một với uẩn thì lẽ ra ngã thế phải dứt nên không thể nói là một, vì các ông chấp rằng ngã chẳng đoạn chẳng thường.

#### **10. Luận chủ lại trách:**

“Nhân nay đối với đây” cho đến “nghĩa lửa nương củi” là Luận chủ lại trách.

Vì sao nên nói cho đến năng thiêu là lửa: Là Độc tử bộ đáp.

Ở đây lại nói cho đến gọi là củi, gọi là lửa là Luận chủ lại hỏi: Lẽ ra ở đây nên nói là “Tại sao cái được thiêu đốt gọi là củi”, tại sao cái thiêu đốt lại là lửa?”

Lại thế gian đều biết cho đến nương củi có lửa là Độc tử bộ đáp: Thế gian đều biết rằng vật không phát sức nóng và có thể được đốt cháy thì gọi là củi được đốt cháy, vật có thể đốt cháy, phát sức nóng và ánh sáng thì gọi là lửa đốt cháy. Vật có công năng đốt cháy này liên tục đốt cháy vật kia làm cho sắc của vật kia càng lúc càng biến đổi và thể nói càng lúc càng nhỏ khác trước. Lửa và củi tuy đều dùng tám việc là bốn đại và bốn thứ, sắc, hương, vị, xúc làm thể, nhưng phải duyên củi trước

đó thì sau lửa mới sinh; như duyên sữa trước đó thì sau cao sữa mới sinh, hoặc duyên rượu trước đó thì sau mới có sự mời đáp lại. Sữa, rượu, cao sữa và sự mời đáp lại tuy đều do tám vật ở trên lập thành nhưng phải duyên sữa, rượu thì mới sinh được cao sữa và sự mời đáp lại. Do lẽ này mà thế gian đều nói nương vào củi mà có lửa.

### **11. Luận chủ bác bỏ:**

“Nếu y theo lý” này cho đến “lý bất thành lập” là Luận chủ bác bỏ: Nếu theo lẽ trên thì lửa phải khác với củi, vì lửa có sau còn củi có trước, thời gian lại khác nhau. Lại, các ông còn cho rằng ngã cũng phải nhờ vào uẩn, như lửa phải nhờ vào củi, như vậy lẽ ra phải nói là vì duyên uẩn nên ngã sinh, thể của ngã khác với các uẩn nên thành ra mang tính vô thường thì làm sao có thể nói là ngã chẳng khác với uẩn mà chẳng phải vô thường. Lại nhắc lại chuyển chấp để phá, nếu các ông cho rằng trong tám vật như gỗ, v.v... có thể cháy nóng, chỉ có noãn xúc được gọi là lửa, còn bảy vật còn lại là củi thì chúng tôi bác bỏ rằng cho dù lửa, và củi sinh khởi cùng lúc thì lẽ ra thành khác thể, vì có tánh chất khác nhau. Lại bác bỏ rằng nếu nói về ý nghĩa của sự nương tựa thì vốn đã cùng sinh giống như hai chiếc sừng trâu thì làm sao có thể nói là nương vào củi để thành lửa. Tức chẳng phải lửa này dùng củi làm nhân, vì lửa và củi đều sinh khởi cùng lúc từ nhân đồng loại của mình trong quá khứ. Và cũng không được gọi là lửa, vì nhờ có củi mới có tên gọi này, vì tên gọi này được lập thành là nhờ có noãn xúc chứ chẳng phải nhờ vào củi. Nhắc lại chuyển chấp để phá các ông nếu còn nói rằng khi nói lửa nương vào củi là ý nghĩa của sự cùng sinh hoặc sự nương tựa thì chúng tôi bác bỏ rằng nếu nói như vậy lẽ ra nên thừa nhận Bồ-đặc-già-la sinh chung với uẩn hoặc nương tựa uẩn. Nếu đã chấp nhận rõ ràng như vậy thì nên thừa nhận ngã thể khác với uẩn. Đây chính là phần nương vào tỷ dụ để nêu ra câu hỏi về pháp. Lại, về lý thì nên thừa nhận rằng nếu các uẩn là vô thì ngã cũng phi hữu; như nếu củi là phi hữu thì thể của lửa cũng phải là vô. Nhưng bộ phái các ông lại không thừa nhận uẩn và ngã là vô vì khi nhập Niết-bàn vô dư thì uẩn là Vô nhưng ngã vẫn là Hữu. Bộ phái này chấp rằng khi ở sinh tử thì ngã và uẩn chẳng phải một cũng chẳng phải khác; và khi nhập vô dư thì ngã và Niết-bàn cũng chẳng phải một cũng chẳng phải khác. Nếu đã trái với tông chỉ của mình thì giải thích này phi lý. Tuy nhiên đối với tánh chất “chẳng khác” này, Độc tử bộ ở đoạn văn trước đã tự nêu ra câu hỏi cho rằng nếu lửa khác củi thì lẽ ra củi không thể cháy, cho nên biết rằng chẳng khác. Luận chủ gạn lại rằng Độc tử bộ lẽ ra phải nên khẳng định thể của sức

nóng là gì. Nếu giải thích rằng sức nóng là noãn xúc và bầy vật còn lại là củi thì sẽ bác bỏ như vậy, củi chẳng phải sức nóng vì thể khác nhau, làm sao có thể đưa ra câu hỏi là củi lẽ ra không phải sức nóng. Nếu lại giải thích rằng củi được gọi là sức nóng vì hợp với noãn thì sẽ bác bỏ như vậy bầy vật vốn khác với noãn thể lẽ ra cũng nên gọi là sức nóng vì đều thật có. Tên gọi là lửa chỉ được xem như noãn xúc và bầy vật còn lại vì với hợp noãn nên củi cũng được gọi là sức nóng; và như vậy thì rõ ràng thừa nhận củi do bầy lập thành cũng được gọi là Sức nóng. Tuy củi và lửa khác nhau nhưng không thành lỗi thì vì sao ở đây lại đặt thành câu hỏi. Nếu lửa khác củi thì lẽ ra củi không nóng, nhưng củi lại khác lửa mà củi vẫn được gọi là Sức nóng. Lại các ông chuyển chấp, nếu cho rằng nước, v.v... khi đốt nóng khắp thì nên gọi đó là củi, cũng gọi là lửa vì có cùng một thể, chúng tôi bác bỏ rằng nếu củi và lửa là một thì đâu còn ý nghĩa nương tựa. Ngã và các uẩn, như sắc v.v... chắc chắn phải là một và không có lý nào ngăn được điều này. Vì thế các ông cho rằng phải dựa vào uẩn để lập thành Bồ-đặc-già-la, như dựa vào củi để lập thành lửa, dù có phân tích trước sau cũng không thành lý.

### **12. Y theo Ngũ pháp tạng để bác bỏ:**

Lại nếu kia chấp nhận cho đến chẳng phải thứ năm: Là thứ ba y theo Ngũ Pháp tạng để bác bỏ. “Nhĩ diễm”, Hán dịch là sở tri. Xưa dịch là tri mẫu nhưng không đúng. Sở tri Pháp tạng do Độc tử bộ lập gồm có năm thứ gồm ba thứ đầu là ba đời là ba, vô vi và loại cuối là bất khả thuyết, tức Bồ-đặc-già-la thuộc bất khả thuyết. Ngã do Độc tử bộ lập thành, nếu ở sinh tử thì không thể xác định là một hay khác ba đời năm uẩn; nếu xả sinh tử nhập vô dư Niết-bàn thì lại không thể xác định là một hay khác với vô vi. Cho nên nói rằng ngã này thuộc về pháp tạng bất khả thuyết thứ năm. Nay bác bỏ rằng nếu Độc tử bộ thừa nhận ngã và năm uẩn dù là một hay khác đều không thể xác định được thì năm thứ sở tri mà họ đưa ra lẽ ra cũng không thể nói là có đủ năm thứ. Vì không thể nói rằng ngã và bốn thứ pháp tạng ở trước là khác nhau thì cũng không thể nói là thuộc về pháp tạng thứ năm; là một vì với bốn pháp bất khả thuyết tạng ở trước, không thể nói chẳng phải pháp tạng thứ năm. Nói “chẳng phải thứ năm” tức là bốn thứ pháp tạng ở trước. Nếu đã không thể nói là thứ năm hay không phải là thứ năm thì lẽ ra chỉ nên lập thành bốn pháp tạng trước mà không nên lập thêm thứ năm. Pháp sư Chân-đế lại nói rằng nếu thân ngã khác với bốn thứ trước thì có thể nói không nên lập thêm thứ năm là không thể nói; nếu không khác với bốn thứ trước thì chỉ có bốn thứ. Không có thêm loại thứ năm bất

khả thuyết như vậy không thể nói là thứ năm hay không phải thứ năm.

### **13. Y theo sở thác để bác bỏ:**

“Lại kia thi thiết” cho đến “nên nói y theo nhãn v.v...” là thứ tư y theo sở thác để bác bỏ. Lại, nên xác nhận thành tựu loại ngã được đặt ra này nương vào cái gì. Nếu các ông nói rằng nương vào uẩn thì bác bỏ rằng như vậy ý nghĩa giả của ngã đã thành vì loại ngã được đặt ra này vốn không nương vào ngã. Nếu các ông nói loại ngã này nương vào ngã thì bác bỏ rằng vì sao ở trên lại nói ngã nương vào các uẩn để lập. Đúng ra chỉ nên nói nương vào Bồ-đặc-già-la. Các ông không thừa nhận ngã, nương vào ngã thì như vậy chỉ còn nương vào uẩn. Nếu các ông nói rằng vì có uẩn và loại ngã này có thể biết được, cho nên ở trên nói là ngã nương vào uẩn để lập thành, chúng tôi bác bỏ rằng nếu vậy các sắc cảnh có các duyên như nhãn, v.v... mới biết rõ được các sắc, v.v... thì lẽ ra phải nên nói là sắc, v.v... nương vào nhãn, v.v... để lập thành. Nhưng năm sắc cảnh tuy do căn nhận biết nhưng không nói là nương vào căn. Và đối với ngã cũng phải như vậy. Tuy nương vào uẩn để nhận biết nhưng không nên nói là phải nương vào uẩn.

Lại nên nói cho đến “thức nào nhận biết”: Dưới đây là thứ năm y theo sở thức để bác bỏ. Đây là hỏi.

Thứ năm sáu nhận biết: Là Độc tử bộ trả lời.

Vì sao? Là Luận chủ gạn lại.

“Nếu trong nhất thời” cho đến là một là khác với pháp: Là Độc tử bộ trả lời: Nếu trong nhất thời nhãn thức biết về sắc, do đó biết rằng có ngã nên nói rằng đó là cái mà thức biết được, nhưng không thể nói là một hay khác với sắc; cho đến ý thức biết pháp, v.v... cũng vậy.

### **14. Luận chủ so sánh để bác bỏ:**

Nếu thế sở chấp cho đến là giả chẳng phải thật: Luận chủ so sánh để bác bỏ: Nếu vậy chấp ngã nên đồng với sữa, v.v... chỉ là giả lập; lấy bốn cảnh mà thành ra không có tự thể riêng. Như khi nhãn thức biết các sắc, do đó nếu biết có sữa, v.v... thì nói sữa, v.v... là cái được nhãn thức biết, vì giả không rời thật và khi biết được sắc thì cũng nói là biết được sữa, v.v... nhưng không thể nói sữa, v.v... là một hay khác với sắc. Cho đến thân thức khi biết xúc, do đó nếu biết có sữa, v.v... thì liền nói là sữa, v.v... là cái được thân thức biết nhưng không thể nói sữa, v.v... là một hay khác với xúc. Nếu sữa, v.v... và sắc là một, v.v... thì không thể cho rằng sữa, v.v... do bốn cảnh lập thành. Nếu sữa, v.v... là khác với sắc, ... thì không nên nói rằng sữa, v.v... chẳng phải do bốn cảnh làm thành. Vì thế mới nói rằng không thể nói sữa, v.v... và sắc, v.v... là một



hay khác Do đó thành ra tất cả đều nương vào các uẩn để giả lập ra Bồ-đặc-già-la; như thế gian tất cả đều nương vào sắc, v.v... mà làm ra sữa, v.v... là giả chứ chẳng phải thật. Nếu theo luận Thành thật thì gồm có bốn giả: (1) Nói tiếp giả, như thân ngữ nghiệp do sắc thanh thành tựu. Sắc thanh trong một niệm không thể thành tựu thân ngữ nghiệp mà phải nối tiếp mới thành tựu được. (2) Tương đãi giả, như dài, ngắn, v.v... đối với nhau mà lập thành. (3) Duyên thành giả, như dùng năm uẩn lập thành người, lấy bốn cảnh làm thành sữa, v.v... (4) Nhân sinh giả, tất cả pháp hữu vi từ nhân sinh khởi, không có tự tánh. Nay ở đoạn văn này dùng duyên thành giả để so sánh mà bác bỏ.

**15. Luận chủ nhắc lại lời gạn hỏi để bác bỏ:**

Lại điều kia nói cho đến nêu câu hỏi cũng thế: Là Luận chủ lại nhắc lại lời gạn lại để bác bỏ: Lại, Độc tử bộ nói rằng: “Nếu trong một lúc nào đó mà nhãn thức biết được, nhờ đó mới biết ngã” thì điều này có ý nghĩa như thế nào? Nếu nói các sắc chính là nhân để biết được ngã này nhưng không thể nói là ngã này khác với sắc: Là nhắc lại quan hệ đầu. Bác bỏ rằng: Nếu vậy các sắc sẽ dùng các duyên như nhãn, minh, tác ý, v.v... làm nhân để nhận biết sắc, do đó không thể nói sắc khác với nhãn, v.v... Nếu khi phân biệt được sắc mà ngã này cũng phân biệt được thì đó là vì sắc có công năng phân biệt thức tức phân biệt được ngã này hay ở đây có loại thức riêng có công năng biết rõ. Nếu nói sắc thì biết rõ tức có thể biết rõ loại ngã này thì bác bỏ rằng nếu vậy lẽ ra nên thừa nhận là ngã thể này chính là sắc vì khi biết rõ sắc thì cũng biết rõ được ngã; hoặc đã dựa vào sắc để giả lập loại ngã này vì không có cái gọi là công năng biết rõ riêng; hoặc không nên có sự phân biệt như loại này là sắc, loại này là ngã, vì không có thể tánh riêng. Nếu không có các sự phân biệt về sắc và ngã như thế thì làm sao lập thành có sắc có ngã? Vì nếu có tánh thì phải do phân biệt lập thành: nếu ở đây có công năng biết rõ ngã này thì bác bỏ rằng hai sự biết rõ thuộc về sắc và ngã đã không cùng sinh vì thời gian biết rõ khác nhau thì ngã này lẽ ra phải khác với sắc như màu vàng khác với màu xanh. Có công năng biết rõ khác nhau, tự thể đều khác nhau. Khả năng biết rõ trước và sau cũng khác nhau, thể cũng không giống nhau. Đối với pháp cũng có thể nêu ra câu hỏi.

**16. Nhắc lại chống chế để bác bỏ:**

Nếu kia chống chế rằng cho đến “liền hoại tự tông” là nhắc lại chống chế để bác bỏ. Như ngã và sắc này không thể xác định là một hay khác nhau, hai thứ năng liễu đối nhau cũng thế. Công năng biết rõ của sắc và công năng biết rõ của ngã cũng không thể xác định là một

hay khác vì sở liễu cũng không chắc chắn là một hay khác, thì năng liễu cũng không thể xác định là một hay khác. Làm sao có thể trách rằng phải xác định là một hay khác. Luận chủ Bác bỏ: Nếu không thể xác định ngã và sắc là một hay khác thì ngã này không thuộc về pháp hữu vi mà thuộc về pháp tạng bất khả thuyết thứ năm. Nếu năng liễu của ngã và của sắc không thể xác định là một hay khác thì năng liễu cũng không thể thuộc pháp hữu vi mà phải thuộc pháp tạng bất khả thuyết thứ năm. Nếu thừa nhận điều trên thì trái với tự tông vì theo tông chỉ của bộ phái này thì năng liễu thuộc về pháp tạng hữu vi ba đời.

**17. Dùng Thánh giáo để bác bỏ kiến chấp của Độc tử bộ:**

Lại nếu thật có cho đến “đều không có ngã”: Dưới đây là thứ hai trong phần phá ngã chấp, dùng Thánh giáo để bác bỏ kiến chấp của Độc tử bộ. Kinh nói vô ngã nhưng các ông lại nói hữu ngã; như vậy không trái nhau hay sao? Ở đây đã dẫn kinh thứ nhất để bác bỏ.

**18. Lại dẫn kinh thứ hai để bác bỏ:**

Lại kia đã chấp nhận cho đến “do hai duyên”: Là Luận chủ lại dẫn kinh thứ hai, nhắc lại chấp để bác bỏ. Lại, nếu đã thừa nhận sở đắc của nhãn thức mình thì nhãn thức này đối với sắc cảnh và ngã đều đi chung với sắc và ngã; như vậy sẽ duyên với pháp nào trong ba pháp này để khởi? Nếu duyên sắc để khởi thì không nên nói nhãn thức biết rõ ngã. Ngã này chẳng có nhãn thức duyên, như thành xứ, v.v... Các ông chấp ngã chẳng phải nhãn thức duyên, chẳng phải sắc xứ, như thanh xứ, v.v... Nếu chống chế rằng có một thứ thức chỉ duyên cảnh màu xanh, v.v... này để khởi, tức dùng loại cảnh mà xanh, v.v... này làm duyên sở duyên thì bác bỏ rằng nếu đã nói Bồ-đặc-già-la không phải duyên của nhãn thức thì tại sao trước đây nói rằng ngã là sở duyên của nhãn thức. Vì thế chắc chắn không phải là pháp được nhãn thức biết rõ. Hoặc giả như ở trên đều là nhắc chống chế nếu nhãn thức khởi thì duyên ngã này hoặc dùng duyên cả sắc và ngã thì trái với kinh có nói rằng thật do hai duyên sinh. Nếu chỉ duyên ngã thì thiếu sắc duyên; nếu duyên cả sắc và ngã thì thành ba duyên, nhưng kinh lại nói chỉ sinh khởi do hai duyên.

**19. Lại dẫn kinh thứ ba chứng minh thức:**

“Lại khế kinh nói” cho đến “duyên nhãn sắc” là Luận chủ lại dẫn kinh thứ ba chứng minh thức chỉ do hai duyên sanh chứ chẳng phải do ngã.

**20. Luận chủ dẫn kinh thứ 4 để bác bỏ:**

Lại nếu như thế, đến liền hoại tự tông” là phần Luận chủ dẫn kinh thứ tư để bác bỏ: Lại, nếu ngã này do nhãn thức duyên và có công

năng sinh ra nhãn thức thì lẽ ra ngã phải vô thường, kinh nói thức do nhân duyên sinh đều vô thường; Độc tử bộ không chấp nhận ngã là vô thường. Nếu họ chuyển sang chống chế ngã không phải là duyên của nhãn thức thì bác bỏ như vậy cũng không phải pháp được thức biết đến, nếu đã không được thức biết đến thì cũng không phải pháp nhận biết được. Nếu không phải pháp nhận biết được thì làm sao lập thành hữu ngã. Nếu không lập thành hữu ngã thì trái với tự tông vì theo tông chỉ của bộ phái này thì ngã thuộc về pháp tạng bất khả thuyết thứ năm.

**21. Luận chủ dẫn kinh thứ năm để bác bỏ:**

Lại nếu chấp nhận là cho đến có lỗi trái tông: Luận chủ dẫn kinh thứ năm để bác bỏ: Trước khi chứng minh là trái với kinh thì phải xét rằng ngã khác với sáu cảnh. Vả lại nếu thừa nhận được sáu thức biết thì lẽ ra ngã này khác thanh, vì nhãn thức nhận biết; giống như sắc. Ngã mà ông chấp lẽ ra khác với sắc, v.v... vì được nhĩ thức nhận biết; Thí như thanh các thứ khác được thức nhận biết thì mỗi tỷ lượng thành câu hỏi y theo đây. Ở đây câu hỏi được đặt ra để cho thấy rằng ngã khác với sáu cảnh thì làm sao có thể nói là không thể xác định ngã và sáu cảnh là một hay khác. Sau đó là nói về sự trái ngược với kinh: Lại thuyết ngã là pháp được sáu thức biết đến rất trái với kệ kinh. Kinh nói Phạm chí đều có hành xứ năm căn khác nhau, cảnh giới khác nhau; mỗi loại đều tự thọ dụng hành xứ và cảnh giới riêng. Hoặc ở trước là y theo xứ sau đó lại y theo giới. Chẳng phải có sắc, căn khác, là cũng có thể thọ dụng căn hành xứ và cảnh giới khác nhau. Ý gồm thọ dụng, hành xứ và cảnh giới của năm căn, vì năm thức này cũng nương vào ý. Vì thế, ý căn chủ yếu thọ dụng mười ba giới đồng thời thọ dụng cả hành xứ và cảnh giới của năm căn. Lại giải thích: ý thức kia nương ý căn cho nên ý căn và thức năng y cùng duyên các pháp. Chủ yếu là duyên mười ba giới đồng thời duyên cả hành xứ và cảnh giới của năm căn. Giải thích đầu hợp lý hơn. Theo ý của các ông thì sáu thức cùng chấp một ngã; như vậy năm căn cũng có công năng chấp cả hành xứ và cảnh giới của các căn khác trong lúc kinh này có nói hành xứ khác với cảnh giới của năm căn. Như vậy chẳng phải trái với kinh sao? Đã trái với kinh thì không nên chấp ngã là cảnh của năm căn. Nếu chẳng phải cảnh của năm căn thì cũng không phải là cái được năm thức biết. Nếu vậy tuy không trái với kinh nhưng lại trái với tự tông, vì bộ phái các ông cho rằng ngã được năm thức biết.

**22. Độc tử bộ hỏi:**

“Nếu thế thì ý căn” cho đến “và tự cảnh giới” là Độc tử bộ hỏi:

Nếu năm căn chấp các cảnh riêng và không thừa nhận chấp ngã thì cảnh của ý căn thứ sáu lẽ ra cũng phải riêng. Trong Kinh Lục Sinh Dự chép rằng “hành xứ và cảnh giới của sáu căn như vậy đều khác, cho đến tự cảnh giới, ở đây ý nói hành xứ và cảnh giới của sáu căn trong kinh Lục Sinh Dự đều khác nhau. Đúng ra ý căn cũng có công năng thọ dụng hành xứ và cảnh giới của năm căn, ngại gì kinh ở trước nói hành xứ và cảnh giới của năm căn khác nhau nhưng vẫn có thể chấp dị căn ngã cảnh. Kinh nói năm căn chấp các cảnh riêng thì vẫn chưa hết lý. Nói “kinh Lục Sinh Dự” vì kinh này nói về việc dùng dây để trói chim, rắn, heo, hoẵng đã can, khi vượn làm cho chúng không thể tự do hoạt động. Chim bay trên trời là ví với nhãn căn có thể thấy xa, rắn thường ở hang là ví với nhĩ căn ở sâu trong hốc, heo phải chịu đựng các thứ hôi hám như bản là ví với tỷ căn đắm mê mùi hương v.v... thích bơi lội trong nước là ví với gốc lành đắm mê các vị, các vị phải nhờ đến tân dịch làm trung gian thì gốc lành mới có thể được vị, đã can thích sống ở am tranh trong rừng núi là ví với thân đắm mê xúc, khi có tánh hoạt động không ngừng là ví với ý thường duyên sự tứ lự. Sáu thứ chúng sinh này được dụ cho sáu căn nên gọi là kinh Lục Sinh Dự.

### **23. Luận chủ giải thích:**

Chẳng phải trong đây nói cho đến không có lỗi trái với trước: Là Luận chủ giải thích về kinh Lục sinh: Không phải kinh muốn nói về sáu căn như nhãn, v.v... mà là có ý chỉ cho ý thức thứ sáu. Vì năm căn như nhãn căn, v.v... và năm thức được sinh khởi không có thể lực ưa thích các sự thấy, v.v... Kinh nói “lạc cầu cho nên biết rằng không có ý chỉ năm căn này mà chỉ nói năm căn nhãn, v.v... có thể lực duyên tăng thượng. Ý thức được dẫn sinh duyên các cảnh như sắc, v.v... và dựa vào nhãn để đặt tên nên gọi là như nhãn căn, v.v... Đọc hành ý căn có thể lực tăng thượng. Ý thức được dẫn sinh duyên mười ba giới, cũng dựa vào nhãn để đặt tên nên gọi là ý căn. Năm như căn nhãn căn, v.v... vốn không do dẫn khởi, lại không có công năng ưa cầu cảnh giới do năm căn như nhãn căn, v.v... dẫn khởi, vì thế nội dung của kinh Lục Sinh Dự này không mắc lỗi trái với kinh Phạm Chí đã nói ở trước. Kinh Phạm Chí y theo thể của sáu căn vì thế nói rằng cảnh giới của năm căn có khác nhau. Nếu ý căn do nhãn, v.v... dẫn khởi cũng có công năng duyên hành xứ và cảnh giới của năm căn. Kinh Lục Sinh Dự chỉ y theo thể lực tăng thượng của sáu căn. Ý thức dẫn khởi được gọi là sáu căn, vì chịu sự dẫn dắt của sáu căn nên duyên cảnh khác nhau. Vì ý thức đi theo căn nên nói là sáu căn và gọi là ưa cầu. Hai kinh trên nói về hai ý nghĩa khác

nhau cho nên kinh sau không trái với kinh trước.

**24. Luận chủ dẫn kinh thứ sáu để bác bỏ:**

“Lại Thế tôn nói” cho đến “cảnh hản là đồng” là Luận chủ dẫn kinh thứ sáu để bác bỏ. Nói pháp đạt đến là chỉ cho đạo Vô gián”sở tri” là chỉ cho đạo Giải thoát; hoặc “pháp đạt đến” là chỉ cho những gì tuệ đạt được, “sở tri” là những gì trí biết được. Tất cả đều là những gì mà trí tuệ đạt hết và là trường hợp cùng nghĩa nhưng có tên khác. Kinh này vốn nói “pháp sở đạt tri” tức chỉ có pháp được đạt biết mà không có ngã thể cho nên biết rằng ngã thể cũng chẳng phải điều được nhận thức. Tuy “đạt” và “trí” đều là tuệ chẳng phải thức nhưng vì tuệ và thức có cùng cảnh nên ngã chẳng phải cảnh của thức.

**25. Luận chủ dẫn kinh thứ bảy để bác bỏ:**

“Các thứ gọi là mắt thấy” cho đến không nên giải thích khác, là Luận chủ dẫn kinh thứ bảy để bác bỏ. Trước nói về kiến chấp kế là dẫn kinh để bác bỏ. Độc Tử bộ cho rằng mắt thấy ngã. Nay bác rằng nhãn căn thấy tất cả sắc và đối với sự thấy này vốn không có ngã nhưng đã lầm chấp là thấy ngã để rồi bị điên đảo mà rơi vào hố sâu ác kiến. Vì thế, kinh Phật khẳng định ý nghĩa này; nghĩa là chỉ dựa vào uẩn để giả nói là ngã. Như Nhân kinh có nói nhãn và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Ba pháp hòa hợp tiếp xúc cùng khởi thọ, tưởng và tư. Trong đó bốn pháp sau cùng là nhãn thức, thọ, tưởng và tư là vô sắc uẩn. Xúc dùng ba pháp này để lập thành nên không có thể tánh riêng vì thế không nêu số. Luận chủ đã dựa vào Kinh bộ để bác bỏ, không giống với thuyết xúc có tự thể riêng của Hữu bộ. Lúc đầu nhãn và sắc được gọi là sắc uẩn. Chỉ dựa vào năm uẩn để định lượng nên giả gọi là người. Khế kinh dựa vào ý nghĩa khác nhau của giả pháp này để lập thành danh tướng; tức có khi gọi là Hữu tình vì có tình thức, hoặc gọi là Bất duyệt (không vui), vì lúc sơ khai con người thấy vị đất, v.v... mà hoảng sợ không vui, hoặc gọi là ý sinh, từ ý thọ sinh, hoặc gọi là Nho đồng, Thiện đồng tử. Hoặc gọi là Năng dưỡng, Sở dưỡng, Hữu mãng, hoặc gọi là Sinh vì phải sinh ra nhiều kiếp, hoặc là Năng sinh, hoặc là Sở sinh, hoặc gọi là Bỏ-đặc-già-la, nghĩa là thường đi vào các đường cũng tự xưng là “Mắt ta thấy sắc”. Lại tùy theo thế tục mà gọi là Cụ thọ, vì tuổi thọ đầy đủ, những người tên là Thiên thọ, v.v... có chủng tộc như Bà-la-môn v.v... có những dòng họ như Ca-diếp-ba, v.v... cho đến Thế tôn đều thường khuyên bảo hãy nương theo khế kinh có ý nghĩa rất ráo. Kinh này có ý nghĩa rất ráo vì thế không nên giải thích sai lạc như thế.

**26. Luận chủ dẫn kinh thứ tám để bác bỏ:**

“Lại Bạt-già-phạm” cho đến “là bất khả thuyết”: Là Luận chủ dẫn kinh thứ tám để bác bỏ. Bạt-già-phạm bảo Phạm chí rằng: Ta nói tất cả hữu chỉ thuộc mười hai xứ. Ngoài mười hai xứ không còn có pháp nào thật có. Nếu sắc thủ thú chẳng thuộc về xứ thì thành ra vô thể; nếu thuộc về xứ thì các ông không nên nói rằng đó là Pháp tạng thứ năm vì mười hai xứ đều là pháp khả thuyết.

**27. Luận chủ dẫn kinh thứ chín để bác bỏ:**

“Sở tụng của bộ ấy” cho đến “ở đây có thật thể”: Là Luận chủ dẫn kinh thứ chín để bác bỏ. Kinh mà Độc tử bộ đọc tụng cũng nói “tất cả các nhãn, tất cả các sắc, v.v... nói rộng ra cho đến tất cả các ý, tất cả các pháp, v.v... đều đã được Như lai dựa vào đó để lập bày tất cả, kiến lập tất cả các pháp có tự thể. Trong đó không có ngã thì làm sao có thể nói là có thật thể.

**28. Luận chủ dẫn kinh thứ mười để chứng minh:**

“Tần-tỳ-sa-la” cho đến, cho đến nói rộng: Luận chủ lại dẫn kinh thứ mười chứng minh không có ngã thể; lời văn rất dễ hiểu. Tần-tỳ, Hán dịch là Viên; Sa-la Hán dịch là Trinh thật.

**29. Luận chủ dẫn kinh thứ mười một A-la-hán chứng minh:**

“Có A-la-hán” cho đến “nên biết giác các uẩn là lần thứ mười một Luận chủ dẫn A-la-hán chứng minh không có ngã; lời văn rất dễ hiểu. Thế-la là ngọn núi nhỏ.

**30. Luận chủ dẫn kinh thứ 12 chứng minh:**

“Đức Thế tôn đối với tạp” cho đến “cũng đều không thật có”: Luận chủ dẫn kinh thứ mười hai chứng minh không có ngã. Bà-đà-lê là tên một loại táo nhỏ ở Ấn-độ. Cha mẹ thương con gọi bằng từ này. Trong mười sáu trường hợp thì hai trường hợp đầu nói vì đã nghe được trước đó nên có ý muốn nói; mười bốn câu sau chính là giải thích. Trong chính giải thích thì hai câu đầu là phần nêu chương; mười hai câu sau là giải thích riêng. Trong giải thích riêng thì hai câu đầu nói về trường hợp nương vào tâm nhiễm, mười câu sau nói nương vào tâm tịnh. Trong mười câu sau thì hai câu đầu là nêu chung và tám câu cuối giải thích riêng. Nói “kết” là chỉ cho câu hỏi khúc mắc. Pháp từ nhân sinh được gọi là pháp hữu nhân; văn còn lại rất dễ hiểu. Văn tụng nói “vô ngã” cho nên biết rằng không có ngã thể.

**31. Luận chủ dẫn kinh thứ mười ba chứng minh**

“Kinh nói chấp ngã” cho đến “không thể thanh tịnh” là Luận chủ dẫn kinh thứ mười ba chứng minh không có ngã. Kinh nói chấp ngã có năm lỗi:

- 1) Khởi ngã kiến.
- 2) Hữu tình kiến.
- 3) Rơi vào đường ác kiến thú.
- 4) Đồng với các ngoại đạo.
- 5) Tu tập sai đường.

Câu “tâm không ngộ nhập tánh không” là giải thích về khởi ngã kiến, “không có tịnh tín” là chỉ cho hữu tình kiến, “không thể an trụ” là chỉ cho rơi vào đường ác kiến, “không được Giải thoát” là chỉ cho đồng với ngoại đạo, và “những hạng người này không có Thánh pháp thanh tịnh” là chỉ cho tu tập sai đường. Lại giải thích: năm điều sai lầm là: 1) Khởi ngã kiến, hữu tình kiến và rơi vào đường ác kiến. (2) Đồng với các ngoại đạo chấp ngã. (3) Tu hành nằm ngoài đường chánh. (4) Tâm không ngộ nhập tánh không, không thể tịnh tín Tam bảo, không thể an trụ bốn đế, không được Niết-bàn Giải thoát. (5) Đối với thân chấp ngã của các hạng người trên thì Thánh pháp bị các hoặc che chướng nên không được thanh tịnh.

“Đây đều là phi lượng” là Độc tử bộ bác bỏ.

Vì sao là gạn lại của Luận chủ.

“Ở trong bộ của ta không hề tụng” là Độc Tử bộ trả lời.

### **32. Hai lời chỉ trích của luận chủ:**

“Tông của ông chấp nhận cho đến thế nào là phi lượng” là hai lời chỉ trích của Luận chủ.

Kia cho rằng thuyết này đều chẳng phải lời Phật: Là Độc tử bộ trả lời.

Vì sao? là Luận chủ gạn lại.

“Bộ của ta không tụng” là Độc tử bộ trả lời.

“Thử cực phi lý” là Luận chủ bác bỏ.

“Phi lý là gì” là Độc tử bộ hỏi.

“Vấn Kinh Như thế” cho đến “nên rất phi lý” là Luận chủ, đáp, là nói lên Độc tử bộ phi lý.

“Lại, đối với bộ kia” cho đến “kinh xếp vào” là Luận chủ gạn lại: Lại, đối với bộ phái kia chẳng lẽ kinh này không nói tất cả các pháp đều là tánh phi ngã sao? Nếu Độc tử bộ vì cho rằng ngã này và pháp sở y chẳng phải một, chẳng phải khác cho nên nói rằng tất cả năm uẩn sở y đều không phải ngã thì bác bỏ rằng nếu vậy thì không thể là cái mà ý thức biết được, vì kế kinh xác định một cách chắc chắn là thức do hai duyên sinh. Nếu ngã sinh ra ý thức thì phải từ ba duyên.

### **33. Luận chủ nêu kinh để chỉ trích:**

“Lại đối với kinh” cho đến “tưởng tâm thấy điên đảo” là Luận chủ nêu kinh để chỉ trích Độc tử bộ.

“Chấp ngã thành điên đảo” cho đến “đâu nhọc giải thích” là Độc Tử bộ trả lời: Chấp ngã thành điên đảo là nói đối với phi ngã lại chấp ngang trái là ngã chứ không nói rằng đối với ngã nên chấp là ngã thì cũng đâu nhọc giải thích.

“Phi ngã là gì” là Luận chủ hỏi.

“Là uẩn xứ giới” là Độc tử bộ trả lời.

#### **34. Luận chủ chỉ rõ sự sai lầm:**

Liên trái với kinh trước cho đến chẳng phải một chẳng phải khác: Luận chủ chỉ rõ sự sai lầm: Nếu vậy thì trái với thuyết trước đây, nói rằng ngã và các uẩn như sắc, v.v... chẳng phải một chẳng phải khác. Nếu nói thể của uẩn xứ giới đều là phi ngã thì tại sao lại cho rằng ngã chẳng khác với uẩn?

#### **35. Luận chủ nêu lỗi:**

“Lại kinh khác nói” cho đến “vọng phân biệt làm ngã” là Luận chủ lại nêu lỗi: Kinh nói sở dĩ có chấp ngã là do có thủ uẩn chứ không nói là do có ngã; Vì thế không phải nương vào ngã để khởi ngã kiến mà chỉ đối với pháp phi ngã lại phân biệt luống dối là ngã thì làm sao có thể nói hay không nói “đối với ngã.

“Lại kinh khác nói” cho đến “Bổ-đặc-già-la” là Luận chủ lại nêu ra lỗi: Kinh nói chỉ nương vào năm thủ uẩn để khởi, chứ không nói nương vào ngã khởi cho nên chắc chắn vô ngã.

#### **36. Giải thích câu hỏi:**

Nếu thế vì sao cho đến “có sắc như thế v.v...” dưới đây là thứ ba của toàn phẩm Giải thích câu hỏi Độc tử bộ hỏi rằng: Nếu không có ngã vì sao kinh này lại nói ở đời quá khứ, ngã có sắc, v.v... như thế”?

“Kinh này nói lên” cho đến “như gom nhóm như dòng chảy” là Luận chủ giải thích câu hỏi: Kinh này vì muốn chỉ cho công năng nhớ lại đời trước của thân nối tiếp nên đã giả nói có các việc đối với ngã. Nếu thấy ở đời quá khứ có thật ngã năng sanh ra các sắc, v.v... thì vì sao không bị mắc lỗi đã khởi ngã kiến. Nhưng bậc Thánh biết quá khứ chẳng phải chấp có thân mà có lời chê trách này. Các ông chẳng nên bác bỏ không có kinh này. Vì thế kinh này y theo giả ngã năm uẩn nối tiếp mà, nói rằng có sắc, v.v... Nói “như nhóm” là chỉ cho giả ngã do duyên thành tựu, “như dòng chảy” là tương tục giả; không có thể tánh riêng mà chỉ giả đặt tên gọi.

#### **37. Độc tử bộ hỏi:**



“Nếu vậy thì Thế tôn” cho đến “công năng biết khắp” là Độc tử bộ hỏi: Nếu vô ngã thì lẽ ra Thế tôn không thể là bậc Nhất Thiết Trí, vì không có tâm tâm sở có công năng biết được tất cả các pháp; cho đến quán vô ngã cũng không thể biết được pháp tự tánh, pháp tương ứng, pháp câu hữu, vì sự sinh diệt của các pháp trong từng sát-na chẳng giống nhau mà cũng chẳng khác nhau. Nếu thừa nhận có một loại ngã không diệt trong từng sát-na mà dừng trú trong một thời gian dài thì mới có thể nói là biết khắp.

**38. Luận chủ giải thích câu hỏi:**

“Bổ-đặc-già-la” cho đến “chẳng phải do biết khắp ngay”: là Luận chủ giải thích câu hỏi. Trước khi giải thích câu hỏi ở thì bác bỏ rằng loại ngã này lẽ ra phải thường trụ vì đã thừa nhận khi tâm diệt thì ngã này không diệt, nếu ngã không diệt thì trái với tông chỉ của các ông là ngã vô thường. Luận chủ lại nêu ra lời giải thích: Chúng tôi, v.v... không nói Phật đối với tất cả trong một sát-na có thể biết khắp tất cả các pháp mà chúng tôi chỉ y theo công năng biết khắp dài lâu trong sự nối tiếp của các sát-na trước và sau để gọi là Phật. Sự nối tiếp của các uẩn đã thành tựu công đức có thể biết khắp tất cả các pháp như vậy cho nên vừa mới tác ý thì đã sinh khởi trí vô đảo đối với cảnh muốn biết mà gọi là Nhất Thiết Trí. Chẳng phải trong một niệm đã biết khắp ngay mà gọi là Nhất Thiết Trí. Vì thế đã có bài tụng như vậy về sự nối tiếp. Vì y theo công năng của sự nối tiếp trước sau; như lửa dần dần thiêu đốt các vật chứ không phải chỉ trong một sát-na. Nhất thiết trí cũng biết khắp trong sự nối tiếp như thế chứ không phải chỉ trong một sát-na mà biết khắp ngay được. Theo luận Tông luận, Đại chúng bộ, v.v... thì Bát-nhã tương ứng với một sát-na tâm biết khắp tất cả pháp.

**39. Độc tử bộ hỏi luận chủ đáp:**

Làm sao biết được cho đến chẳng phải ta biết khắp là Độc tử bộ hỏi: Làm sao biết được công năng biết khắp tất cả pháp có được là do trí nối tiếp chứ chẳng phải do ngã?

“Nói Phật, Thế tôn có ba đời” là Luận chủ đáp: Vì nói Phật Thế tôn có ba đời nên biết rằng đã y theo sự nối tiếp để nói là “biết tất cả pháp” chứ chẳng phải “ngã biết khắp”. Độc tử bộ cho rằng Thế tôn dùng ngã làm thể tức thuộc về pháp tạng bất khả thuyết thứ năm chứ không phải pháp tạng ba đời vì thế Luận chủ trả lời rằng nói Phật Thế tôn chính là pháp tạng ba đời tức đã y theo sự nối tiếp biết khắp tất cả chứ chẳng phải ngã biết khắp.

**40. Độc tử bộ hỏi luận chủ trả lời:**

Ở chỗ nào nói là Độc tử bộ hỏi: Chỗ nào nói rằng Phật Thế tôn có ba đời?

“Như có bài tụng rằng” cho đến “quyết định nên như thế” là Luận chủ trả lời: Như bài tụng trong kinh chép: Chư Phật ba đời dứt trừ ưu phiền của chúng sinh” vì thế y theo sự nối tiếp để nói là Phật biết khắp. Tông phái các ông chỉ thừa nhận uẩn có ba đời chứ không phải sắc thủ thú, vì Sắc thủ thú thuộc pháp tạng bất khả thuyết thứ năm cho nên chúng tôi mới khẳng định như trên, điều này nghĩa lẽ ra phải nói là y theo ba đời. Thừa nhận phải y theo sự nối tiếp để nói là Chư Phật ba đời tức đã y theo trí nối tiếp biết khắp tất cả pháp chứ chẳng phải Sắc thủ thú. Nếu Sắc thủ thú là thể của Thế tôn biết khắp tất cả pháp thì không nên nói là Phật có ba đời.

